

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/4/2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Trung**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thanh Phương** và ông **Hoài Đức Huệ**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Sơn**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Vương Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày **22 tháng 4 năm 2025**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 467/2024/TLST-HNGĐ ngày **08 tháng 11 năm 2024** về việc “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **18/2025/QĐXXST-HNGĐ** ngày **05 tháng 3 năm 2025** và Quyết định hoãn phiên tòa số **36/2025/QĐST-HNGĐ** ngày **28 tháng 3 năm 2025**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Bé L**, sinh năm: 1985; Nơi ĐKTT: 235 A, M, L, Đồng Tháp; địa chỉ nơi ở: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1986; Nơi ĐKTT: 184B, T, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi ở: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, chị **Lê Thị Bé L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **L** và anh **T** tự nguyện yêu thương nhau và chung sống có đăng ký kết hôn tại U, **Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh** và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03 tháng 7 năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bản thân chị **L** và anh **T** đã tự hòa giải để chung sống lo cho con cái nhưng không có kết quả. Hiện tại chị **L** và anh **T** đã sống ly thân, độc lập

về kinh tế, mỗi người có một cuộc sống riêng. **Chị L** xác định giữa **chị L** và **anh T** không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy **chị L** yêu cầu Tòa án giải quyết cho **chị L** được ly hôn với **anh T**.

Về con chung: **Chị L và anh T** chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh Nhật T1, sinh ngày 06/7/2014 và cháu Nguyễn Thanh Nhật P, sinh ngày 20/10/2015, hiện nay cháu T1 và cháu P đang sống chung cùng **chị L**. Khi ly hôn, **chị L** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu T1 và cháu P. Tạm thời **chị L** không yêu cầu **anh T** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc gia đình, làm ăn nên **chị L** xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của **chị L** là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho **chị L** được ly hôn với **anh T**. Về con chung: Giao cháu T1 và cháu P cho **chị L** nuôi dưỡng, tạm thời **anh T** không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về án phí: **Chị L** phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị Bé L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với **anh Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1986; địa chỉ nơi ở: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con**” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và **anh T** tự nguyện yêu thương nhau và chung sống có đăng ký kết hôn tại **U**, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của chị **L** nhận thấy: Chị **L** yêu cầu được ly hôn với anh **T** và thực tế chị **L** và anh **T** đã ly thân, mỗi người sống một nơi, đồng thời Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh **T** để làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **T** vắng mặt thể hiện việc anh **T** không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị **L** và anh **T** là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **L** yêu cầu ly hôn với anh **T** là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung:

Chị **L** và anh **T** chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh Nhật T1, sinh ngày 06/7/2014 và cháu Nguyễn Thanh Nhật P, sinh ngày 20/10/2015, hiện nay cháu D đang sống chung cùng chị **L**. Khi ly hôn, chị **L** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu P, tạm thời chị **L** không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con; đồng thời cháu T1 và cháu cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị **L** nên **theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình** chấp nhận yêu cầu về con chung của chị **L**.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L** trình bày về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **L** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Lê Thị Bé L** về việc “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con**” với **anh** Nguyễn Thanh T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: **Chị Lê Thị Bé L** được ly hôn với **anh Nguyễn Thanh T**.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Nhật T1, sinh ngày 06/7/2014 và cháu Nguyễn Thanh Nhật P, sinh ngày 20/10/2015 cho chị **Lê Thị Bé L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi của con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình,

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tạm thời chị **L** không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: **Chị Lê Thị Bé L** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0022167** ngày **30** tháng **10** năm **2024** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. **Chị Lê Thị Bé L** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- THADS huyện Nhơn Trạch;
- UBND Phường 04, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa